

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN HỮU SƠN

BIẾN CHUYỂN CƠ CẤU KINH TẾ - XÃ HỘI HÀ ĐÔNG
(1986-2018)

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Mã số: 62220313

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ SỬ HỌC

HÀ NỘI – 2022

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học:

PGS.TS. PHẠM XANH

PGS.TS. NGUYỄN ĐÌNH LÊ

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp cơ sở,

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Vào hồi giờ ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Đại học Quốc gia Hà Nội.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ

LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Hữu Sơn (2018), "Tăng trưởng dân số quận Hà Đông (2000-2015)", Tạp chí *Khoa học Xã hội và Nhân văn* (ISSN 2354-1172), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 4 số 2b (11/2018) trang 203-220.
2. Nguyễn Hữu Sơn (2019), "Quá trình thay đổi địa giới hành chính quận Hà Đông (1896-2009): diễn biến, đặc điểm", Tạp chí *Khoa học* (ISSN 1859-2325), Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, số 61, tháng 6/2019, trang 86-97.
3. Nguyễn Hữu Sơn (2020), "Chuyển biến kinh tế nông nghiệp ở thị xã Hà Đông từ năm 1986 đến năm 2008", Tạp chí *Khoa học Xã hội và Nhân văn* (ISSN 2354-1172), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 6, Số 1b (11/2020), trang 133-144.
4. Nguyễn Hữu Sơn (2022), "Đặc điểm biến chuyển cơ cấu kinh tế nông nghiệp thị xã Hà Đông (1986-2008)", Kỷ yếu *Hội thảo quốc tế lần thứ nhất về các vấn đề khoa học xã hội và nhân văn*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, ngày 28-10-2022.
5. Nguyễn Hữu Sơn (2022), "Biến chuyển kinh tế công nghiệp quận Hà Đông (2009-2018)", Kỷ yếu *Hội thảo quốc tế lần thứ nhất về các vấn đề khoa học xã hội và nhân văn*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, ngày 28-10-2022.

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài: Việc nghiên cứu biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018) góp phần làm rõ bức tranh kinh tế - xã hội ở một đơn vị hành chính cụ thể thời kì đổi mới, góp thêm một nghiên cứu đô thị hóa ở Việt Nam. Cho đến nay chưa có nghiên cứu nào về vấn đề này. Chính vì vậy, nghiên cứu sinh chọn “*Biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018)*” làm đề tài Luận án tiến sĩ Sử học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu: Mục đích nghiên cứu làm rõ biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018). Nhiệm vụ nghiên cứu làm rõ quá trình biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018) diễn ra như thế nào trong biến chuyển kinh tế - xã hội chung của cả nước. Nêu tác động giữa biến chuyển cơ cấu kinh tế và biến chuyển cơ cấu xã hội Hà Đông (1986-2018). Chỉ ra nguyên nhân, thành tựu, hạn chế và một số kinh nghiệm của biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018).

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu là biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông từ năm 1986 đến năm 2018. Phạm vi nghiên cứu: Về không gian, thị xã Hà Đông thuộc tỉnh Hà Sơn Bình (1986-1991), tỉnh Hà Tây (1991-2006); thành phố Hà Đông thuộc tỉnh Hà Tây (2006-2009); quận Hà Đông thuộc thành phố Hà Nội (2009-2018). Về thời gian, từ năm 1986 đến năm 2018, chia ra hai giai đoạn là 1986-2008 và 2009-2018. Về nội dung nghiên cứu, biến chuyển cơ cấu kinh tế, gồm cơ cấu sử dụng đất, vốn đầu tư, thu - chi ngân sách, tăng trưởng kinh tế; cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần, theo vùng; biến chuyển cơ cấu xã hội gồm dân số, lao động, thu nhập, mức sống, văn hóa, giáo dục, y tế, môi trường; một số nhận xét về đặc điểm, sự tác động giữa biến chuyển cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội, nguyên nhân biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội, thành tựu, hạn chế và một số kinh nghiệm.

4. Phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu nghiên cứu: Phương pháp luận duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin. Phương pháp nghiên cứu lịch sử, logic, tiếp cận cấu trúc hệ thống, xã hội học, đô thị học, so sánh. Nguồn tài liệu nghiên cứu là các văn bản về đường lối chính sách của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ trung ương đến quận Hà Đông (1986-2018); các báo cáo, nghị quyết, quyết định về kinh tế, xã hội của cơ quan Đảng, chính quyền và các cơ quan chuyên môn khác thuộc tỉnh Hà Sơn Bình, tỉnh Hà Tây, thành phố Hà Nội, quận Hà Đông, các phường trực thuộc quận Hà Đông; niên giám thống kê từ năm 1986 đến năm 2018 của địa phương; lịch sử Đảng bộ địa phương; tài liệu của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước về tỉnh Hà Tây, thành phố Hà Nội, nhất là về kinh tế, xã hội quận Hà Đông.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án: Về lí luận, Luận án cung cấp kết quả nghiên cứu biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018), góp thêm nghiên cứu về biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam nói chung, về quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa nói riêng. Về thực tiễn, Luận án nghiên cứu biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam hiện đại tại một thị xã trở thành quận; góp phần nghiên cứu đô thị hóa ở Việt Nam; cung cấp cơ sở thực tiễn để các cấp quản lý hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội; là tài liệu tham khảo cho nghiên cứu, giảng dạy học tập về biến

chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội; sưu tầm nguồn tư liệu phong phú về kinh tế, xã hội Hà Đông (1986-2018), góp phần tìm hiểu về Hà Đông nói chung trong giai đoạn này.

6. Cấu trúc của luận án: Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án gồm 4 chương: Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu; Chương 2. Biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2008); Chương 3. Biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (2009-2018); Chương 4. Một vài nhận xét.

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Nghiên cứu cơ cấu kinh tế, xã hội Việt Nam thời kỳ đổi mới

1.1.1. Nghiên cứu ở trong nước

Nghiên cứu về lịch sử, địa lý kinh tế có cuốn *Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam* do Lê Thông chủ biên, *45 năm kinh tế Việt Nam (1945-1990)* của Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, Viện Kinh tế học (NXB. Khoa học Xã hội, H., 1990), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong điều kiện hội nhập với khu vực và thế giới* do Lê Du Phong và Nguyễn Thành Độ đồng chủ biên (NXB. Chính trị Quốc gia, H., 1998).

Nghiên cứu về các thành phần kinh tế có Tạ Ngọc Tấn, Lê Quốc Lý đồng chủ biên cuốn *Đổi mới, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước bảo đảm vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* (NXB. Chính trị Quốc gia, H., 2012). Lương Minh Cừ và Vũ Văn Thư có cuốn *Sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân ở Việt Nam hiện nay một số nhận thức về lý luận và thực tiễn* (NXB. Chính trị Quốc gia, H., 2011).

Nghiên cứu về nông nghiệp, nông dân và nông thôn có cuốn *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp vùng đồng bằng sông Hồng trong bối cảnh hội nhập quốc tế* của Đỗ Thị Thanh Loan (NXB. Chính trị Quốc gia, H., 2016), *Những vấn đề kinh tế - xã hội ở nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa* (NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 2010), *Nông nghiệp, nông dân và nông thôn Việt Nam hôm nay và mai sau* của Đặng Kim Sơn (NXB. Chính trị Quốc gia, H., 2008). Đặng Kim Khôi và Nguyễn Công Thắng chủ biên cuốn *Bức tranh sinh kế người nông dân Việt Nam trong thời kỳ hội nhập (1990-2018)* (NXB. Nông nghiệp, H., 2019).

Nghiên cứu KT - XH đô thị hiện đại có cuốn *Dân số và nhà ở đô thị* của Phạm Văn Trình (NXB. Xây dựng, H., 1987), *Đô thị hóa và chính sách phát triển đô thị trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam* của Trần Ngọc Hiền và Trần Văn Chử (NXB. Chính trị Quốc gia, H., 1998), *Quy hoạch xây dựng các đô thị Việt Nam* (NXB. Xây dựng, H., 1999), *Phát triển bền vững kinh tế - xã hội các thành phố theo hướng hiện đại* của Trần Ngọc Chính (NXB. Chính trị Quốc gia - Sự thật, H., 2012).

Nghiên cứu các vấn đề xã hội có cuốn *Tăng trưởng kinh tế với giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay* của Vũ Thị Vinh (NXB. Chính trị Quốc gia - Sự thật, H., 2014). Lê Quốc Lý và các cộng sự thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh có cuốn *Chính sách an sinh xã hội thực trạng và giải pháp* (NXB. Chính trị Quốc gia - Sự thật, H., 2014). Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội có công trình *Những vấn đề xã hội học trong sự biến đổi xã hội* (NXB. Đại học Quốc gia Hà

Nội, H., 2011). Trương Minh Dục và Lê Văn Định cùng cộng sự có cuốn *Văn hóa và lối sống đô thị Việt Nam một cách tiếp cận* (NXB. Chính trị Quốc gia, H., 2010).

Tác giả Nguyễn Đình Lê có nhiều công trình nghiên cứu về biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam, điển hình như *Cơ cấu xã hội trong quá trình phát triển của lịch sử Việt Nam* (NXB. Chính trị Quốc gia, H., 1998), *Biến đổi kinh tế và nếp sống văn hoá ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ trong thời gian qua* (Qua điều tra thực tế một số làng ở đồng bằng Bắc Bộ) (NXB. Thế giới, H., 2000), *Biến đổi xã hội Việt Nam trong lịch sử* (NXB, Khoa học Xã hội, H., 2005), *Một số vấn đề về biến đổi cơ cấu kinh tế - xã hội Việt Nam (1986-2000)*.

Nhiều công trình cung cấp số liệu kinh tế - xã hội, như Lê Văn Toàn chủ biên cuốn *Những vấn đề kinh tế và đời sống qua 3 cuộc điều tra nông nghiệp, công nghiệp, nhà ở* (NXB. Thống kê, H., 1991). Bộ Lao động, thương binh và xã hội có cuốn *Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam 1992-1993*, xuất bản năm 1994; cuốn *Điều tra mức sống hộ gia đình Việt Nam 1997-1998*, xuất bản năm 1999.

Những bài báo khoa học, như Phạm Xuân Nam có bài *Mấy nét tổng quan về quá trình đổi mới kinh tế - xã hội ở Việt Nam 15 năm qua* (Tập chí Nghiên cứu Lịch sử, số 1/2001). Đặng Thị Kim Oanh có bài *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa* (Tập chí Lịch sử Đảng, số 1/2005). Nguyễn Sinh Cúc có bài *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong 20 năm đổi mới* (Tập chí Lịch sử Đảng số 12/2005). Nguyễn Văn Sửu có bài *Khung sinh kế bền vững: Một cách phân tích toàn diện về phát triển và giảm nghèo* (Tập chí Dân tộc học, số 2, năm 2010).

1.1.2. Nghiên cứu ở nước ngoài

Adam Fforde và Stefan de Vylder với cuốn *From Plan to Market: The Economic Transition on Vietnam* (Từ kế hoạch hóa sang thị trường: chuyển đổi kinh tế ở Việt Nam), Westview Press, The United States of America, 1996. Charles Harvie và Trần Văn Hòa có cuốn *Vietnam reform and economic growth* (Cải cách và tăng trưởng kinh tế Việt Nam), Macmillan Press, UK, 1997, trình bày cải cách và tăng trưởng kinh tế Việt Nam thời kỳ đầu đổi mới. Keith Griffin chủ biên cuốn *Economic reform in Vietnam* (Cải cách kinh tế ở Việt Nam), ST. Martin's press, USA, 1998, là báo cáo cho Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc về môi trường thuận lợi để thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội ở Việt Nam.

OECD (Organization for Economic Cooperation and Development) là Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế của 38 nước thành viên có trụ sở tại Paris (Pháp) viết cuốn *Agricultural Policies in Viet Nam 2015* (Các chính sách nông nghiệp của Việt Nam 2015), OECD Publishing, Paris, 2015. Đây là *Báo cáo rà soát nông nghiệp và lương thực* về chính sách nông nghiệp Việt Nam tính đến thời điểm năm 2015.

Drummond có bài viết "*Urbanization in the Out City: A case in Ho Chi Minh City's Suburbs*" (Đô thị hóa ở ngoài thành phố: Một trường hợp ngoại ô thành phố Hồ Chí Minh), Malaysian Journal of Tropical Geography, 29, No. 1 (1998): p 23-28, nghiên cứu thay đổi sâu sắc của một khu vực ngoại ô thành phố Hồ Chí Minh trong "con bão đô thị hóa".

Lương Văn Hy viết *Urbanization, Migration and Poverty in a Vietnamese Metropolis: Ho Chi Minh in Comparative Perspective* (Đô thị hóa, di cư và nghèo đói ở một đô thị Việt Nam: Thành phố Hồ Chí Minh trong quan điểm so sánh), Publisher, National University of

Singapore/ NUS Press, January, 1, 2009, trình bày kết quả của dự án nghiên cứu liên ngành về đô thị hóa, di cư và nghèo đói ở thành phố Hồ Chí Minh những năm đầu đổi mới. Erik Harms có cuốn *Saigon's edge on the margins of Ho Chi Minh City* (Cạnh Sài Gòn bên lề thành phố Hồ Chí Minh), Publisher, University of Minnesota press, 2011, đưa ra viễn cảnh đô thị hóa tác động đến những người sống ở nơi tiếp giáp giữa nông thôn và thành thị tại Hóc Môn nói riêng và Việt Nam nói chung.

Micheal Leaf (1993) viết *Chính sách nhà ở và quá trình xây dựng nhà ở đô thị*. Trịnh Duy Luân và Micheal Leaf (1996) viết *Vấn đề nhà ở đô thị trong nền kinh tế thị trường của thế giới thứ ba*. Ronald Inglehart, Wayne E. Baker có cuốn *Hiện đại hóa, biến đổi văn hóa và sự duy trì những giá trị truyền thống* (Bản dịch của Bùi Lưu Phi Khanh, tài liệu lưu trữ của Viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, 2000). Pandolfi Laurent (2000) viết *Sự chuyển thể đô thị và quá trình xây dựng các vùng ngoại vi đô thị*. David Albrecht (chuyên gia tư vấn, CARO), Hervé Hocquard (Giám đốc dự án nghiên cứu, CARO) và Philippe Papin (Giáo sư trường Cao học thực hành) có cuốn *Local authorities in the process of urban development in Vietnam, progress, means and constraints of local governments* (Chính quyền địa phương trong quá trình phát triển đô thị ở Việt Nam, tiến triển, phương tiện và hạn chế của chính quyền địa phương), Mạc Thu Hương dịch từ tiếng Pháp, NXB. Trí thức, H. 2010. Ngân hàng thế giới có *Đánh giá đô thị hóa ở Việt Nam* (Báo cáo hỗ trợ kỹ thuật, 2011).

1.2. Nghiên cứu cơ cấu kinh tế, xã hội Hà Nội và Hà Tây thời kỳ đổi mới

1.2.1. Nghiên cứu ở trong nước

Các công trình nghiên cứu về kinh tế, xã hội Hà Nội

Nguyễn Thừa Hỷ có cuốn *Thăng Long - Hà Nội trong mắt một người Hà Nội - Tuyển tập nghiên cứu* (NXB. Thông tin và truyền thông, Hà Nội, 2018). Khoa Lịch sử trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội có công trình *Với Thăng Long Hà Nội* (NXB. Thế giới, Hà Nội, 2011). Phạm Quang Nghị và Phùng Hữu Phú đồng chủ biên cuốn *Hà Nội 30 năm đổi mới, phát triển (1986-2016)* (NXB. Hà Nội, 2017).

Lê Tiến Dũng có luận án *Đảng bộ Thành phố Hà Nội lãnh đạo phát triển kinh tế ngoại thành từ năm 1991 đến năm 2008* (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016). Nguyễn Thành Công chủ biên cuốn *Thực trạng và các giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế Hà Nội giai đoạn 2011 - 2020* (NXB. Chính trị Quốc gia, H., 2013). Nguyễn Thắng Lợi và Bùi Đức Tuấn chủ biên cuốn *Chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thủ đô Hà Nội theo hướng hiệu quả và bền vững, cơ sở khoa học - thực trạng định hướng đến năm 2020* (NXB. Hà Nội, H., 2013). Nguyễn Đình Dương chủ biên cuốn *Tái cấu trúc đầu tư công thành phố Hà Nội đến năm 2020* (NXB. Hà Nội, H., 2013). Nguyễn Tiệp có cuốn *Nguồn nhân lực nông thôn ngoại thành trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn thành phố Hà Nội* (NXB. Lao động xã hội, H., 2005). Vũ Quốc Tuấn chủ biên cuốn *Làng nghề, phố nghề Thăng Long - Hà Nội trên đường phát triển* (NXB. Hà Nội, H., 2010). Trần Thị Lan có luận án tiến sĩ “*Quan hệ lợi ích kinh tế trong thu hồi đất của nông dân để xây dựng các khu công nghiệp và đô thị mới ở Hà Nội*” (Học viện Chính trị - hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, 2012).

Lê Tiêu La có *Một số biến đổi xã hội ở nông thôn vùng ven đô Hà Nội trong thời kì đổi mới* (Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, 2007). Nguyễn Thị Hải Vân có Luận án tiến sĩ kinh tế: *Tác động của đô thị hóa đối với lao động ở khu vực nông thôn ngoại thành Hà Nội* (2012). Cuốn *Dân số và di chuyển nội thị - trường hợp thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội* của Viện Nghiên cứu phát triển Pari, Viện Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Dân số, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2002.

Lê Thị Thu Hằng có luận án tiến sĩ sử học *Chuyển biến kinh tế - xã hội huyện Từ Liêm (thành phố Hà Nội) dưới tác động của quá trình đô thị hóa từ năm 1996 đến năm 2013* (Học viện Khoa học Xã hội, 2020). Nguyễn Văn Sửu có cuốn *Công nghiệp hóa, đô thị hóa và biến đổi sinh kế ở ven đô Hà Nội* (NXB. Tri thức, H., 2014). Nguyễn Văn Sửu cùng Phạm Quang Minh, Ien Ang, Gay Hawking đồng chủ biên cuốn *Toàn cầu hóa và biến đổi đô thị ở Việt Nam đương đại* (NXB Tri thức, H., 2016). Công trình nghiên cứu *Biến đổi của văn hóa đô thị Hà Nội - Thực trạng và giải pháp*, mã số 01X-12/03-2004-2 là đề tài nghiên cứu thuộc Chương trình nghiên cứu 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Các công trình nghiên cứu về tỉnh Hà Tây

Các công trình lịch sử Đảng bộ tỉnh Hà Sơn Bình, tỉnh Hà Tây, nhất là *Lịch sử Đảng bộ thị xã Hà Đông 1975-2000*, *Lịch sử Đảng bộ quận Hà Đông (1926 - 2010)* (NXB Hà Nội, 2014). Cuốn *Địa chí Hà Tây* (Đặng Văn Tu và Nguyễn Tá Nhí chủ biên, Sở Văn hóa - Thông tin và Thư viện tỉnh Hà Tây, 2008). Cuốn *Dur địa chí Hà Tây tập 1, 2* (NXB. Hà Nội, H., 2012). Thành ủy Hà Nội chỉ đạo biên soạn bộ *Bách khoa thư Hà Nội phần Hà Nội mở rộng* (NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017).

Phạm Quốc Sử viết *Phát triển du lịch làng nghề, nghiên cứu trường hợp tỉnh Hà Tây* (NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, H., 2007) và có báo cáo "*Các làng nghề Hà Tây trong khung cảnh hội nhập thủ đô Hà Nội*" tại Hội thảo Quốc tế *Phát triển thủ đô Hà Nội văn hiến, anh hùng, vì hòa bình ở Hà Nội năm 2010* (NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010). Nguyễn Hoàng Minh có luận án tiến sĩ quản lý đô thị: *Quản lý xây dựng theo quy hoạch khu đô thị mở rộng quận Hà Đông thành phố Hà Nội* (Đại học Kiến trúc Hà Nội, 2015).

1.2.2. Nghiên cứu ở nước ngoài

Micheal Leaf có bài "Vùng ven đô Việt Nam: việc quản lý hành chính sự phát triển đô thị của Hà Nội" đăng trên *Tạp chí Xã hội học* của Việt Nam số 3 (71) năm 2000, trang 11-23. Mike Douglass có bài *Đô thị hóa vùng ven Đông Nam Á: bỏ rơi không gian công cộng* trong Kỷ yếu Hội thảo về "Các xu hướng đô thị hóa và đô thị hóa vùng ven ở Đông Nam Á", Thành phố Hồ Chí Minh, 2008.

Timothy M. Gorman có bài nghiên cứu *Nền kinh tế hàng ngày: suy nghĩ lại về tính chất không chính thống ở Việt Nam* trong Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ III – "Việt Nam hội nhập và phát triển", Hà Nội, 2008. Gisele Bousquet có công trình *Urbanization in Vietnam* (Đô thị hóa ở Việt Nam), Routledge Published, January 3, 2018 by Routledge, 178 Pages 20 B/W Illustrations.

Cuốn *Peasants on the Move: Rural-Urban Migration in the Hanoi Region* (Nông dân đang di chuyển: Di cư nông thôn – thành thị ở khu vực Hà Nội) của Lee Tana, Occasional

Paper No. 91, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Singapore, xuất bản năm 1996. Danielle Labbé viết cuốn *Facing the urban transition in Hanoi: recent urban planning issues and initiatives* (Đối mặt với quá trình chuyển đổi đô thị ở Hà Nội: các vấn đề và sáng kiến quy hoạch đô thị gần đây), Trung tâm Đô thị hóa Văn hóa xã hội, Viện nghiên cứu khoa học quốc gia, Montreal (Queesbec) Canada, xuất bản năm 2010.

Cuốn *Hanoi: Biography of a City* (Hà Nội: tiểu sử một đô thị) của William S. Logan, do Nguyễn Thừa Hỷ dịch (NXB Hà Nội, H. 2010). Sylvie Fanchette chủ biên cuốn *Hà Nội, vùng đô thị tương lai chấm dứt hòa nhập làng xóm trong đô thị* (NXB. Thế giới, 2018).

1.3. Kết quả nghiên cứu và một số vấn đề luận án cần làm rõ

1.3.1. Kết quả nghiên cứu: Chúng tôi đã kế thừa nguồn tài liệu và các công trình nghiên cứu liên quan đến biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội. Những công trình đó cung cấp lý thuyết và phương pháp tiếp cận vấn đề nghiên cứu; số liệu chính thống về kinh tế, xã hội phục vụ cho đề tài luận án; cái nhìn mới để từ đó tiếp cận vấn đề nghiên cứu; cho thấy biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội là quy luật tất yếu trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể; cung cấp tổng quan về lịch sử phát triển nói chung và kinh tế - xã hội Hà Đông nói riêng.

1.3.2. Một số khái niệm: “Cơ cấu kinh tế”, “Cơ cấu xã hội”, “Cơ cấu kinh tế - xã hội”, “Biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội”.

1.3.3. Một số vấn đề luận án cần làm rõ: Giới thiệu những điều kiện lịch sử mới của Hà Đông (1986-2018), như công cuộc đổi mới, quá trình thay đổi địa giới hành chính thị xã Hà Đông. Trình bày biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018). Đưa ra một số nhận xét về biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018).

Tiểu kết chương 1: Các công trình nghiên cứu liên quan đến biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018) mà tác giả luận án trình bày ở trên cho thấy sự phong phú về nội dung, đa dạng về cách tiếp cận của các nhà nghiên cứu. Cho đến nay chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ, hệ thống và toàn diện về biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018). Do đó, hướng tiếp cận của luận án là không trùng lặp và mang tính độc lập so với các công trình nghiên cứu và luận án đã công bố.

Chương 2. BIẾN CHUYỂN CƠ CẤU KINH TẾ - XÃ HỘI HÀ ĐÔNG (1986-2008)

2.1. Bối cảnh lịch sử

2.1.1. Đôi nét về địa giới hành chính thị xã Hà Đông: Thị xã Hà Đông là tỉnh lỵ của tỉnh Hà Nội (1896-1902), tỉnh Cầu Đơ (1902-1904), tỉnh Hà Đông (1904-1965), tỉnh Hà Tây (1965-1975, 1991-2008), tỉnh Hà Sơn Bình (1975-1991). Năm 1902, Pháp lập thị trấn Cầu Đơ làm tỉnh lỵ. Năm 1923, Pháp nâng cấp thị trấn lên thị xã, rộng 0,5km² với dân số hơn 1.000 người. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Chính phủ mở rộng địa giới hành chính thị xã Hà Đông. Đến năm 1969, Hà Đông có diện tích 16,2578km², ngoại thị rộng gấp 11,3 lần nội thị. Do nhu cầu công nghiệp hóa và đô thị hóa, Chính phủ mở rộng địa giới hành

chính Hà Đông năm 2003 và năm 2006, nâng tổng diện tích lên 47,9174km², gồm 7 phường và 8 xã. Ngày 27-12-2006, Chính phủ lập thành phố Hà Đông trên cơ sở thị xã Hà Đông.

2.1.2. Khái quát cơ cấu kinh tế - xã hội thị xã Hà Đông trước năm 1986: Cơ cấu kinh tế: Hà Đông nằm trong tình trạng khó khăn chung của cả nước. Vốn đầu tư (1981-1985) chưa đáp ứng được nhu cầu kinh tế - xã hội. Bội chi ngân sách kéo dài. Giá trị tổng sản phẩm kinh tế năm 1985 là 308 triệu đồng, trong đó nông nghiệp chiếm 35,95%, công nghiệp chiếm 40,18%, thương mại - dịch vụ chiếm 23,87%. Cơ cấu xã hội: Dân số Hà Đông (1980-1985) tăng từ 64.551 người lên 72.842 người, người Kinh chiếm 99,21%. Lực lượng lao động xã hội tăng từ 36.497 người lên 42.248 người. Tỷ trọng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao hơn các huyện thị trong cùng tỉnh, nhiều lao động nông thôn thiếu việc làm. Thu nhập thấp, nghèo đói phổ biến. Hầu hết trẻ em trong độ tuổi tiểu học đến trường, nhưng sau đó bỏ học dần. Đời sống tinh thần nghèo nàn. Môi trường tự nhiên trong lành, xã hội giàu tình người, hầu như chưa có tệ nạn xã hội của kinh tế thị trường. Cơ chế kế hoạch tập trung quan liêu bao cấp là nguyên nhân chính gây khó khăn kinh tế, xã hội. Từ đó đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới.

2.1.3. Quá trình đổi mới ở thị xã Hà Đông (1986-2008)

Bối cảnh đất nước và địa phương: Năm 1986, Việt Nam bắt đầu đổi mới. Đến năm 1996, Việt Nam ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và bước vào công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Kinh tế biến chuyển làm thay đổi cơ cấu xã hội. Tỉnh Hà Tây được tái lập (1-10-1991) và nhanh chóng phát triển kinh tế - xã hội. Đến năm 2006, giá trị tổng sản phẩm kinh tế đạt 17.961,7 tỷ đồng, lớn hơn 4 lần năm 1996. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, tăng từ 25% lên 40,04% (1995-2006). Quy mô dân số tỉnh Hà Tây tăng từ 2.129.300 người năm 1991 lên 2.619.100 người năm 2008. Thu nhập bình quân đầu người tăng, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, văn hóa giáo dục và y tế chuyển biến tích cực...

Đổi mới kinh tế - xã hội ở Hà Đông (1986-2008): Mười năm đầu đổi mới, Hà Đông ra khỏi khủng hoảng kinh tế, xã hội. Thu nhập của người lao động năm 1995 đạt 505 USD (trung bình tỉnh Hà Tây là 215 USD). Hà Đông là đơn vị đầu tiên của tỉnh Hà Tây hoàn thành phổ cập giáo dục cấp II (1995). Trong những năm 1996-2000, kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp từ 38,40% lên 49,43%. Từ năm 2001 đến năm 2008, Hà Đông xây dựng các khu đô thị mới, cụm công nghiệp. Giá trị tổng sản phẩm kinh tế năm 2008 đạt 10.029.237 triệu đồng, lớn gấp 22 lần năm 2000, trong đó nông nghiệp còn 2,13%. Dân số năm 2008 đạt 206.907 người, lớn hơn 2 lần năm 2000. Hà Đông còn hạn chế, lực lượng sản xuất nhỏ bé, lạc hậu, hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp; kinh tế nhà nước và tập thể còn hạn chế; tỷ lệ thất nghiệp còn cao; đời sống người dân, nhất là nông dân, còn thấp; phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn, phát sinh nhiều tiêu cực.

2.2. Biến chuyển cơ cấu kinh tế thị xã Hà Đông (1986-2008)

2.2.1. Cơ cấu sử dụng đất: Hà Đông chuyển đổi một phần đất nông nghiệp sang đất công nghiệp, đất đô thị và đất phục vụ chức năng khác. Quỹ đất không đáp ứng được nhu cầu phát triển, Hà Đông mở rộng địa giới hành chính năm 2003 và năm 2006, nâng tổng diện tích đất tự nhiên lên 47,9174km², lớn gấp 3 lần năm 2002. Sáp nhập 6 xã, Hà Đông bị

"tái nông nghiệp hóa". Đến năm 2008, đất ở đô thị đạt 458,73ha, tăng gần 4 lần năm 1987; đất công nghiệp đạt 258,80ha, tăng 26 lần năm 1987.

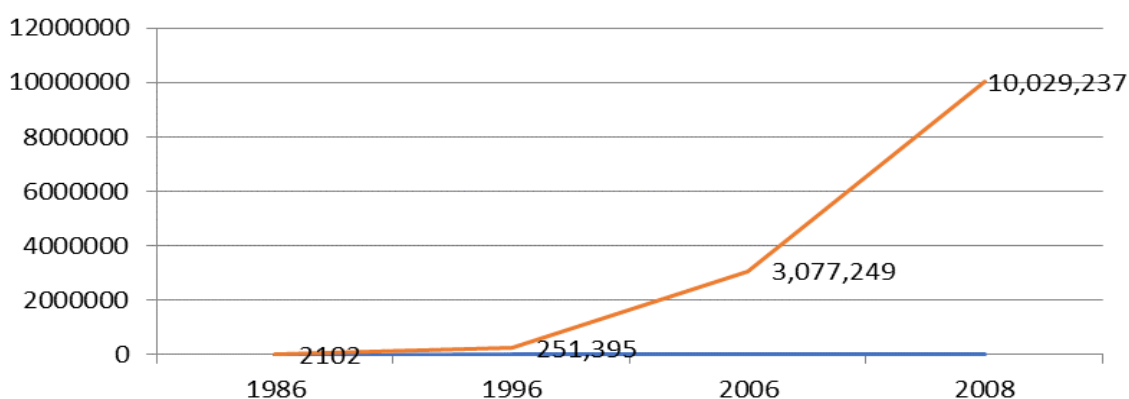
2.2.2. Vốn đầu tư và thu chi ngân sách: *Vốn đầu tư* trước đổi mới hầu như từ ngân sách nhà nước và tập thể, tập trung cho sản xuất và đời sống. Từ khi đổi mới, vốn đầu tư toàn xã hội tăng nhanh. Vốn có nguồn gốc từ nhiều thành phần, trong đó thành phần cá thể, tư nhân tăng dần. Hướng đầu tư vào xây dựng cơ bản tăng từ 25% lên 65%. Trong vốn sản xuất kinh doanh, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng chiếm đa số, thấp nhất là nông nghiệp. Tăng vốn tác động đến thu chi ngân sách.

Thu - chi ngân sách: Năm 1981 đến năm 1985 tăng thu nhưng không đủ chi. Nhờ đổi mới, thu ngân sách (1986-2008) từ nhà nước tăng nhanh, từ 564 triệu đồng lên 3.208.696 triệu đồng; từ địa phương tăng từ 382 triệu đồng lên 1.786.000 triệu đồng. Chi ngân sách tăng từ 434 triệu đồng lên 898.000 triệu đồng. Thu từ sản xuất kinh doanh và thuế chiếm đa số, sau đó thêm thu từ đầu giá quyền sử dụng đất. Chi ngân sách từ ưu tiên phát triển kinh tế sang kiến thiết đô thị. Từ năm 2006, Hà Đông chấm dứt bội chi ngân sách. Thu - chi ngân sách ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế.

2.2.3. Tăng trưởng kinh tế: Trước đổi mới, giá trị tổng sản phẩm kinh tế Hà Đông (1981-1985) tăng từ 51 triệu đồng lên 308 triệu đồng, nhưng kinh tế vẫn khó khăn. Từ khi đổi mới, tổng sản phẩm kinh tế tăng nhanh, năm 1986 là 2.102 triệu đồng, năm 2008 đạt 10.029.237 triệu đồng.

Biểu 2.1: Tăng trưởng giá trị tổng sản phẩm kinh tế Hà Đông (1986-2008)

Đơn vị tính: Triệu đồng



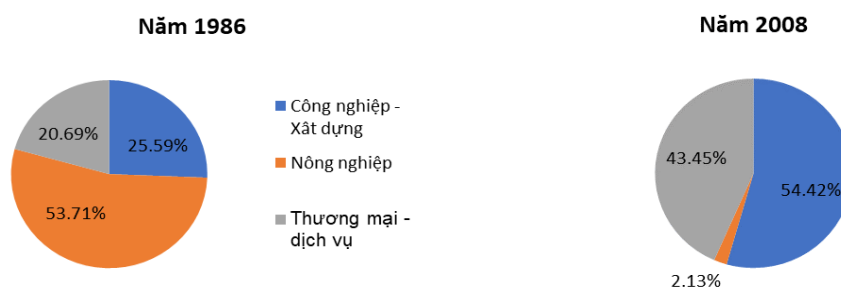
Nguồn: Cục Thống kê Hà Sơn Bình, 1987, tr. 6, 13; Phòng Thống kê thị xã Hà Đông, 1999, tr. 101; Phòng Thống kê quận Hà Đông, 2009, tr. 25, 50.

Tăng trưởng kinh tế (1986-2008) đạt 15,87%/năm. Từ năm 1986-1995, tăng trưởng cao nhất là công nghiệp 24,74%/năm, thấp nhất là xây dựng 6,66%/năm. Năm 1996-2008, tăng trưởng mạnh nhất là xây dựng 174,45%/năm, thấp nhất là nông nghiệp 6,44%/năm.

Trong cơ cấu giá trị sản lượng kinh tế (1986-2008), tỷ trọng công nghiệp - xây dựng tăng từ 25,59% lên 54,24%, thương mại - dịch vụ tăng từ 20,69% lên 43,62%, nhưng nông

ng nghiệp giảm từ 53,71% xuống 2,13%. Cùng là thị xã, nhưng tỷ trọng nông nghiệp năm 2008 ở Sơn Tây cao gấp 6 lần Hà Đông.

Biểu 2.2: Cơ cấu giá trị sản lượng kinh tế Hà Đông theo ngành (1986-2008)



Nguồn: Cục Thống kê Hà Sơn Bình, 1987, tr. 13; Phòng Thống kê quận Hà Đông, 2010, tr. 26, 51-56.

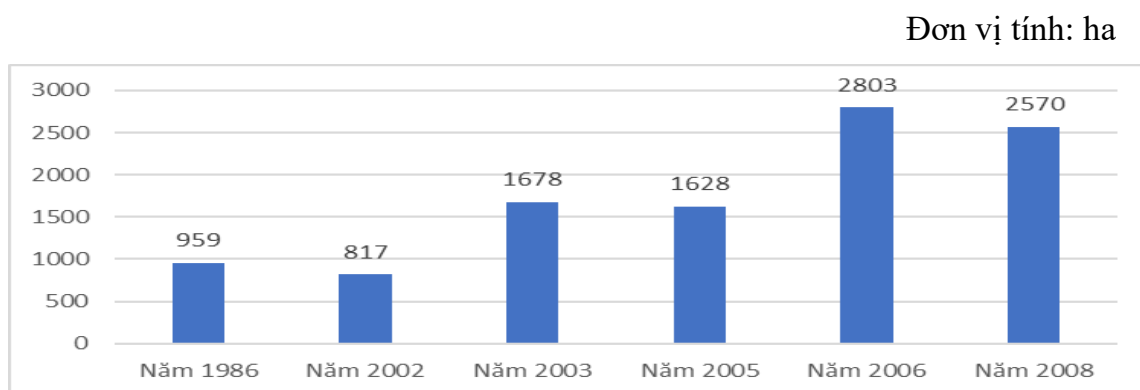
Thành phần kinh tế nhà nước vẫn giữ vị thế lớn nhất và giữ vai trò chủ đạo. Thành phần tập thể làm ăn thua lỗ kéo dài do chậm thích ứng. Thành phần cá thể còn hạn chế về quy mô, trình độ kỹ thuật, vốn. Thành phần tư nhân và thành phần hỗn hợp vươn lên mạnh mẽ.

Giá trị sản lượng kinh tế Hà Đông biến chuyển theo vùng. Vùng 1 (3 phường trung tâm) có tỷ trọng tăng từ 33,11% năm 1986 lên 65,69% năm 1996, sau đó giảm còn 31,91% năm 2008. Vùng 2 (các phường nội thị mới) có tỷ trọng giảm từ 66,89% năm 1986 xuống 34,31% năm 1996, rồi tăng lên 41,88% năm 2008. Vùng 3 là 6 xã mới sáp nhập vào Hà Đông, có tỷ trọng tăng nhẹ từ 23,47% lên 26,21% (2006-2008). Vùng 2 giữ được vị thế lớn nhất nhờ tiềm lực đất đai, dân cư, nghề truyền thống...

2.2.4. Nông nghiệp

Biến chuyển diện tích đất, vốn đầu tư, giá trị sản lượng: Diện tích đất nông nghiệp (1986-2008) giảm do đô thị hóa và công nghiệp hóa, nhưng tăng do mở rộng địa giới hành chính năm 2003 và năm 2006. Nhìn chung, giảm là xu hướng chủ đạo, lâu dài.

Biểu 2.3: Quy mô diện tích đất nông nghiệp Hà Đông (1986-2008)

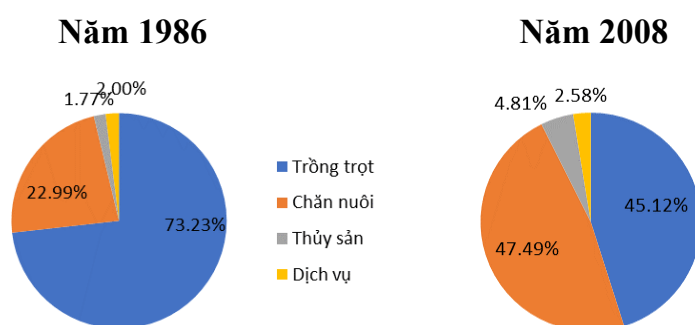


Nguồn: Cục Thống kê Hà Sơn Bình, 1987, tr. 23; Phòng Thống kê quận Hà Đông, 2009, tr. 23.

Một số nơi "dồn điền đổi thửa", xuất hiện trang trại. Nhờ tăng vốn, áp dụng khoa học - công nghệ mới, thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, sản xuất theo hướng hàng hóa, giá trị sản lượng nông nghiệp tăng từ 1.129 triệu đồng lên 214.023 triệu đồng (1986-2008).

Biến chuyển theo nhóm ngành: Giảm tỷ trọng nhóm ngành trồng trọt, tăng tỷ trọng nhóm ngành chăn nuôi gia súc và gia cầm, thủy sản, dịch vụ. Nhìn chung, chăn nuôi gia súc, gia cầm trở thành thế mạnh thay cho trồng trọt đang bị thu hẹp diện tích sản xuất.

Biểu 2.4: Cơ cấu GTSL nông nghiệp Hà Đông theo nhóm ngành (1986-2008)



Nguồn: Cục Thống kê Hà Sơn Bình, 1987, tr. 13; Phòng Thống kê quận Hà Đông, 2009, tr. 25.

Biến chuyển theo thành phần: Từ khi đổi mới, nông nghiệp Hà Đông có ba thành phần là nhà nước, tập thể và cá thể. Từ năm 2000, xuất hiện thành phần tư nhân và hỗn hợp với mô hình trang trại, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn. Trong cơ cấu giá trị sản lượng nông nghiệp, chiếm tỷ trọng lớn nhất năm 1986 là thành phần tập thể (50,66%), năm 2008 là thành phần hỗn hợp (61,51%).

Biến chuyển theo vùng: Do công nghiệp hóa và đô thị hóa, nông nghiệp Hà Đông không còn ở vùng 1 từ năm 2002, và chuyển dần từ vùng 2 sang vùng 3.

2.2.5. Công nghiệp – xây dựng

Biến chuyển theo nhóm ngành: Giá trị sản lượng công nghiệp (1986-2008) tăng từ 327 triệu đồng lên 2.328.311 triệu đồng, trong đó tỷ trọng công nghiệp luôn lớn hơn tiểu thủ công nghiệp. Hàng xuất khẩu của Hà Đông trước năm 1996 là vải lụa, đồ da và giả da, tinh dầu hương nhu, tinh dầu bạc hà, lạc nhân, tỏi, mảnh tre...; sau năm 1996 là vải lụa, đồ da và giả da, đồ mỹ nghệ, phụ tùng xe máy... Cùng với công nghiệp, xây dựng cũng chuyển biến mạnh mẽ. Giá trị sản lượng xây dựng năm 1986 đạt 211 triệu đồng, năm 2008 đạt 3.129.143 triệu đồng. Trong cơ cấu giá trị sản lượng công nghiệp - xây dựng, tỷ trọng công nghiệp giảm dần, xây dựng tăng dần cho thấy đô thị hóa lấn át công nghiệp hóa.

Biến chuyển theo thành phần: Trong giá trị sản lượng công nghiệp, tỷ trọng thành phần nhà nước và tập thể giảm dần, thành phần cá thể, tư nhân và hỗn hợp (công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần) tăng dần. Vị thế lớn nhất chuyển từ thành phần nhà nước sang thành phần hỗn hợp. Trong ngành xây dựng, nửa cuối những năm 1980, tỷ trọng thành phần nhà nước vẫn chiếm ưu thế, nhưng từ đầu những năm 1990 đã giảm dần, đến đầu những năm 2000, thành phần này tăng về giá trị và tỷ trọng.

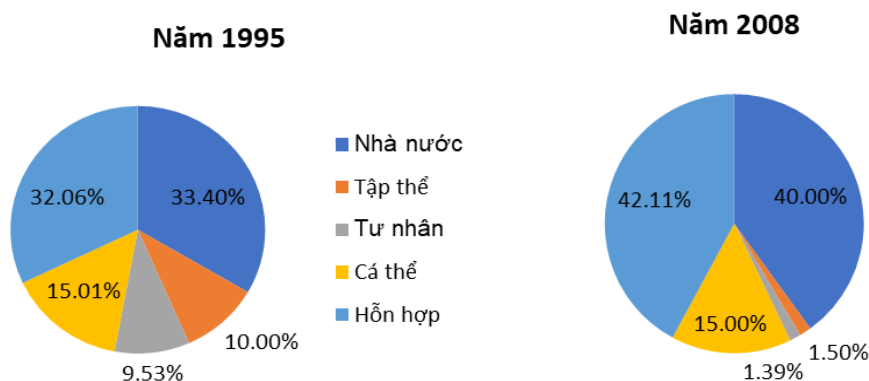
Biến chuyển theo vùng: Vùng 1, chủ yếu là công nghiệp nhà nước. Vùng 2 và 3 có một số làng nghề truyền thống và hình thành các cụm, điểm công nghiệp.

2.2.6. Thương mại – dịch vụ

Biến chuyển theo nhóm ngành: Xuất hiện nhiều cơ sở thương mại. Giá trị sản lượng thương mại năm 1986 đạt 160 triệu đồng, năm 2008 đạt 1.743.104 triệu đồng. Mở rộng kinh doanh dịch vụ. Giá trị sản lượng dịch vụ tăng từ 275 triệu đồng lên 2.614.656 triệu đồng. Trong giá trị sản lượng thương mại – dịch vụ, tỷ trọng dịch vụ luôn lớn hơn thương mại.

Biến chuyển theo thành phần: Trong cơ cấu giá trị sản lượng thương mại - dịch vụ năm 1995 đến năm 2008, tỷ trọng thành phần nhà nước, tập thể, tư nhân giảm dần, thành phần cá thể tương đối ổn định, thành phần hỗn hợp vươn lên vị thế lớn nhất.

Biểu 2.9: Cơ cấu giá trị SL thương mại - DV Hà Đông theo thành phần (1995-2008)



Nguồn: Phòng Thống kê thị xã Hà Đông, 1999, tr. 74, 101; Phòng Thống kê quận Hà Đông, 2009, tr. 63.

Biến chuyển theo vùng: Tỷ trọng giá trị sản lượng thương mại - dịch vụ của ba vùng thay đổi theo hướng giảm ở vùng 1, tăng ở vùng 2 và 3.

2.3. Biến chuyển cơ cấu xã hội thị xã Hà Đông (1986-2008)

2.3.1. Dân số

Quy mô dân số không ngừng tăng lên, năm 1986 là 73.534 người, năm 2008 đạt 206.907 người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên thấp (khoảng 1%/năm), nhưng tăng cơ học cao nhất tỉnh, như năm 1990 là 2,56%, năm 2008 là 4,05%. Mật độ dân số cao nhất trong tỉnh. Đô thị hóa đã cân đối lại mật độ dân số từ vùng trung tâm ra ngoại biên.

Cơ cấu dân số: Tỷ trọng nam giới cao hơn nữ giới, và giảm nhẹ từ 50,32% xuống 50,19%. Từ đầu những năm 2000, Hà Đông đạt “cơ cấu dân số vàng”. Tỷ trọng dân số thành thị tăng từ 64,36% lên 73,17% (1989-1999). Sau đó, do sáp nhập các xã nông nghiệp, tỷ trọng dân thành thị giảm xuống. Tỷ trọng người dân tộc thiểu số giảm từ 0,79% xuống 0,65%. Tuổi kết hôn lần đầu và tỷ lệ ly hôn tăng.

Số hộ và loại hộ: Số lượng hộ gia đình ở Hà Đông (1989-2009) tăng từ 17.743 hộ lên 60.904 hộ, nhưng số người trung bình trong một hộ lại giảm từ 4,2 xuống 3,83 người. Loại hộ 2-4 người có tỷ trọng cao nhất và tăng từ 60,22% lên 67,30%.

2.3.2. Lực lượng lao động xã hội

Biến chuyển tổng thể lực lượng lao động xã hội: Năm 1986 đến năm 2008, lực lượng lao động xã hội (15-60 tuổi) tăng từ 43.165 người lên 155.173 người. Tỷ trọng nữ giới tăng

từ 46,03% lên 58%. Tỷ trọng lao động ở thành thị chiếm đa số và tăng từ 71,18% lên 76,68%. Sau khi mở rộng địa giới hành chính (2003-2006), tỷ trọng lao động nông thôn tăng từ 39,25% lên 53,24%. Tỷ trọng lao động được đào tạo nghề tăng. Sau khi mở rộng địa giới hành chính vào 6 xã nông nghiệp, tỷ trọng lao động được đào tạo nghề giảm xuống. Tỷ trọng lao động tham gia hoạt động kinh tế tăng, lao động thất nghiệp giảm từ 6,28% xuống 3,80%, nhưng vẫn cao nhất tỉnh Hà Tây.

Biến chuyển cơ cấu lực lượng lao động theo ngành, thành phần, vùng: Tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm dần nhưng lại tăng lên khi sáp nhập 6 xã. Năm 2009, tỷ trọng lao động công nghiệp - xây dựng 26,39%, nông nghiệp 23,53%, thương mại - dịch vụ 50,08%. Tỷ trọng lao động khu vực nhà nước và tập thể giảm, nhưng cá thể, tư nhân và hỗn hợp tăng. Tỷ trọng vùng 1 và vùng 3 giảm, nhưng vùng 2 tăng.

2.3.3. Thu nhập, mức sống, nhà ở, người nghèo

Thu nhập bình quân đầu người năm 1986 là 7.980 đồng/năm, năm 2008 đạt 34 triệu đồng (2.023 USD)/năm. Nếu tính theo giá thóc từng thời điểm, thu nhập năm 2008 tăng 3 lần năm 1986. Nếu không tính trượt giá, thu nhập năm 2008 tăng 5,6 lần năm 1995. Mức thu nhập của Hà Đông luôn cao nhất tỉnh Hà Sơn Bình (1986-1991) và tỉnh Hà Tây (1991-2008). Sau xóa bao cấp, thu nhập giữa các thành phần xã hội phân hóa.

Mức sống: Chi tiêu trung bình cho một người trong một tháng ở Hà Đông năm 1986 là 607 đồng, chiếm 91,28% thu nhập; năm 2008 là 2.509.000 đồng, chiếm 88,50% thu nhập. Trong cơ cấu chi tiêu (1986-2008), tỷ trọng ăn uống giảm, giáo dục tăng; xuất hiện chi tiêu mới. Đời sống người dân được cải thiện từ “ăn đói mặc rét” lên “ăn no mặc ấm”, thậm chí một bộ phận “ăn ngon mặc đẹp”. Chi tiêu trung bình cho một người ở vùng 1 cao nhất, vùng 3 thấp nhất. Chi tiêu giữa các nhóm xã hội ngày càng khác biệt.

Nhà ở: Những năm đầu đổi mới, phần lớn nhà ở là nhà cấp 4, một số nhà tập thể 2-5 tầng ở 3 phường trung tâm. Diện tích nhà ở năm 1989, trung bình 30m²/hộ. Đầu những năm 1990, nhà tập thể cấp 4 được giải thể. Nhiều nhà ở mới kiến trúc 2-6 tầng xuất hiện. Hà Đông đi đầu tỉnh về xây dựng các khu đô thị mới. Hà Đông tái đô thị hóa, tăng diện tích nhà ở, năm 2009 đạt 26m²/người, cơ bản không có "nhà ổ chuột".

Người nghèo: Năm 1993, Hà Đông có 11,12% tổng số hộ nghèo đói. Đến năm 1998, Hà Đông không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo là 0,52%. Năm 2008, theo tiêu chí nghèo năm 2006, Hà Đông có 1,59% tổng số hộ nghèo.

2.3.4. Giáo dục, y tế, trật tự xã hội, môi trường

Giáo dục: Từ năm 1990-2008, số lượng học sinh, giáo viên và trường học tăng nhanh, chiếm tỷ trọng cao nhất là cấp mầm non, thấp nhất là cấp trung học phổ thông. Hà Đông là đơn vị đầu tiên của tỉnh Hà Tây hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ (1990), phổ cập giáo dục trung học cơ sở (1995).

Y tế: Do mở rộng địa giới hành chính, hệ thống y tế công của Hà Đông (1986-2008) tăng lên. Trình độ chuyên môn của cán bộ y tế và cơ sở vật chất được cải thiện đáng kể. Các cơ sở y tế tư nhân xuất hiện và tăng dần. Nhiều người khám chữa bệnh vượt tuyến. Số

người tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể ngày một nhiều. Tỷ lệ trẻ em được tiêm và tuổi thọ trung bình của người dân được tăng lên.

Trật tự xã hội, môi trường: Kinh tế thị trường làm tăng tội phạm và tệ nạn xã hội, ô nhiễm môi trường...

Tiểu kết chương 2: Nhờ đổi mới, Hà Đông ra khỏi khủng hoảng và từng bước phát triển. Công nghiệp hóa là động lực để cải tạo xã hội. Hà Đông mở rộng địa giới hành chính, tái đô thị hóa, từ thị xã lên thành phố cho thấy bước đầu đô thị hóa thành công. Kinh tế tăng trưởng chưa từng xứng với tiềm năng và yêu cầu đặt ra, chưa thật sự bền vững. Chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ cản trở sự phát triển. Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh. Mặc dù còn hạn chế, nhưng cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông đã biến chuyển *tiệm cận* với cơ cấu kinh tế - xã hội các quận nội thành Thủ đô.

Chương 3. BIẾN CHUYỂN CƠ CẤU KINH TẾ - XÃ HỘI HÀ ĐÔNG (2009-2018)

3.1. Bối cảnh mới

3.1.1. Mở rộng địa giới hành chính thủ đô Hà Nội năm 2008: Các chuyên gia cho rằng không gian và hệ thống hạ tầng của Hà Nội đầu thế kỉ XXI không đáp ứng được tốc độ đô thị hóa, thu hút đầu tư ngày càng lớn. Để phát triển, một trong các giải pháp là mở rộng địa giới hành chính. Ngày 29-5-2008, Quốc hội ra Nghị quyết số 15/2008/QH12 mở rộng địa giới hành chính thành phố Hà Nội: Hợp nhất toàn bộ diện tích đất tự nhiên và dân cư hiện có của tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh của tỉnh Vĩnh Phúc, 4 xã (Đông Xuân, Tiến Xuân, Yên Bình, Yên Trung) của huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình vào thủ đô Hà Nội.

3.1.2. Thành lập quận Hà Đông năm 2009: Hà Đông có vị thế và địa thế đặc biệt, là tỉnh lỵ cũ, tiếp giáp với nội thành Thủ đô. Nhờ đổi mới (1986-2008), kinh tế Hà Đông *tiệm cận* kinh tế các quận nội thành Thủ đô. Thu nhập bình quân đầu người năm 2008 của Hà Đông đạt 2.023 USD (quận Thanh Xuân là 2.040 USD, quận Long Biên là 1.895 USD). Hà Đông đã có 16 khu đô thị mới, thu hút nhiều người đang làm việc ở Thủ đô đến cư trú. Đến năm 2009, tỷ lệ hộ sử dụng điện nấu ăn tương đương các quận nội thành Hà Nội. Vì vậy, ngày 8-5-2009, Chính phủ thành lập quận Hà Đông.

3.1.3. Quá trình đổi mới ở quận Hà Đông (2009-2018): Hà Đông đồng bộ chính sách với nội thành, quy hoạch lại cơ cấu sử dụng đất, tăng cường xây dựng và quản lý đô thị, phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ, đẩy mạnh đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động, nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng văn hóa người Hà Nội. Dân số tăng nhanh, năm 2018 đạt 353.171 người, gấp 1,5 lần năm 2009. Nhiều gia đình mới ở nhà chung cư cao tầng. Lao động tăng cả về số lượng và chất lượng. Chênh lệch thu nhập và mức sống giữa các ngành nghề, lĩnh vực, bộ phận ngày càng lớn.

3.2. Biến chuyển cơ cấu kinh tế quận Hà Đông (2009-2018)

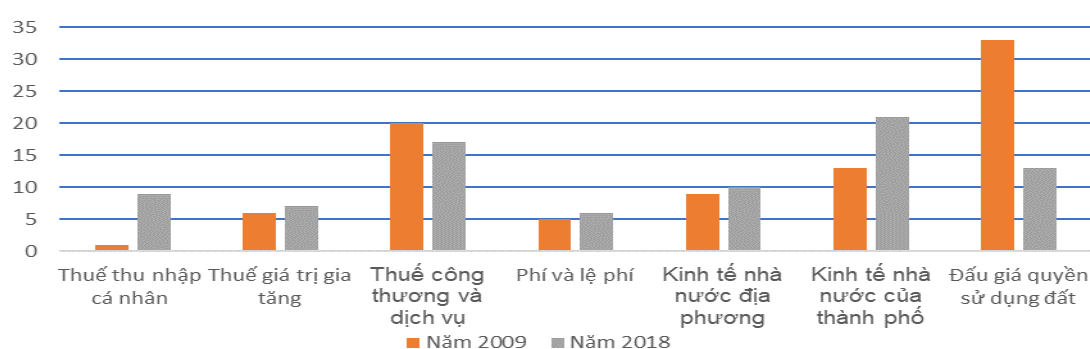
3.2.1. Cơ cấu sử dụng đất: Sau khi trở thành quận, Hà Đông ưu tiên đô thị hóa, giảm tỷ trọng đất nông nghiệp và công nghiệp. Đến năm 2018, tỷ trọng đất ở đô thị tăng lên lớn thứ hai trong các quận mới thành lập của Thủ đô (sau quận Hoàng Mai đạt 30,11%). Đô thị hóa

nhanh, có 22 khu đô thị mới, phân bố ở 12/17 phường. Đô thị hóa là cơ sở quan trọng để Hà Đông thu hút vốn đầu tư và tăng thu – chi ngân sách.

3.2.2. Vốn đầu tư, thu - chi ngân sách: Vốn đầu tư toàn xã hội năm 2009 đạt 1.221.400 triệu đồng, năm 2018 đạt 2.266.127 triệu đồng, tăng 8,55%/năm, tuy thấp hơn 10 năm trước (1999-2008) nhưng quy mô vốn đầu tư năm 2018 lớn gấp gần 2 lần năm 2008. Tỷ trọng vốn cho ngành xây dựng lớn nhất. Thu ngân sách từ nhà nước của Hà Đông (2009-2018) tăng từ 3.225.030 triệu đồng lên 4.095.787 triệu đồng. Trong đó, tỷ trọng tăng cao là thuế thu nhập cá nhân, kinh tế nhà nước của thành phố; tỷ trọng giảm mạnh là đấu giá quyền sử dụng đất.

Biểu 3.1. Cơ cấu thu ngân sách từ nhà nước của Hà Đông (2009-2018)

Đơn vị tính: %



Nguồn: Chi cục Thống kê quận Hà Đông, 2019, tr. 22.

Thu ngân sách từ địa phương (2009-2018) tăng từ 1.995.000 triệu đồng lên 3.934.283 triệu đồng, tăng 9,72%/năm, mức trung bình của các quận. Chi ngân sách cấp quận tăng từ 1.209.473 triệu đồng lên 3.127.338 triệu đồng. Tỷ trọng chi đầu tư phát triển giảm, nhưng vẫn có vị thế lớn nhất do đẩy mạnh đô thị hóa.

3.2.3. Tăng trưởng kinh tế: Nhờ tăng đầu tư, kinh tế phát triển, tổng giá trị sản xuất tăng từ 13.929.261 triệu đồng lên 65.468.217 triệu đồng, tăng trưởng kinh tế trung bình 18,05%/năm (năm 1986-2008 là 15,87%/năm), cao nhất Hà Nội. Giá nhà và đất tăng mạnh và tác động đến các địa phương liền kề. Trong cơ cấu giá trị sản lượng kinh tế Hà Đông (2009-2018), tỷ trọng công nghiệp - xây dựng lớn nhất.

Biểu 3.3. Cơ cấu giá trị sản lượng kinh tế Hà Đông theo ngành (2009-2018)

Năm 2009

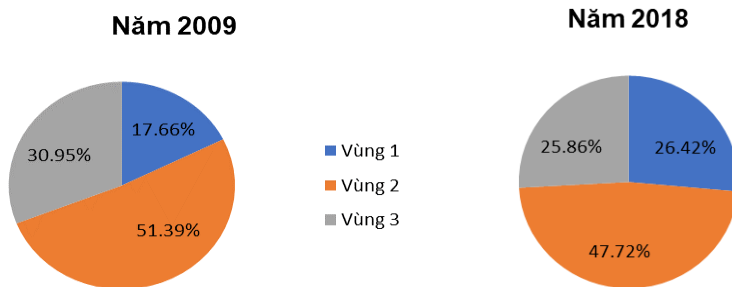
Năm 2018



Nguồn: Chi cục Thống kê quận Hà Đông, 2013, tr. 50, 55; Chi cục Thống kê quận Hà Đông, 2019, tr. 18.

Giá trị sản lượng kinh tế thành phần hỗn hợp tăng mạnh nhất. Riêng thành phần tư nhân và loại hình công ty hợp danh tăng trưởng âm. Loại hình công ty cổ phần vươn lên trở thành xu hướng phát triển kinh tế Hà Đông. Trong giá trị sản lượng kinh tế Hà Đông, tỷ trọng vùng 1 tăng, vùng 2 và 3 giảm. Vùng 2 vẫn lớn nhất nhờ đông dân và cơ sở kinh tế.

Biểu 3.4: Cơ cấu giá trị sản lượng kinh tế Hà Đông theo vùng (2009-2018)

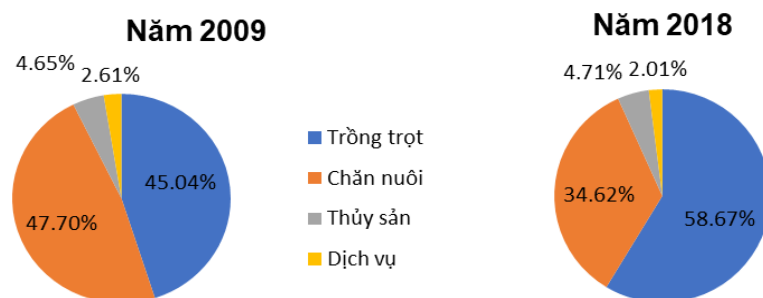


Nguồn: Phòng Thống kê quận Hà Đông, 2010, tr. 25, 50, 62; Chi cục Thống kê quận Hà Đông, 2019, tr. 18.

3.2.4. Nông nghiệp

Biến chuyển cơ cấu sử dụng đất, giá trị sản lượng: Đô thị hóa thu hẹp diện tích đất nông nghiệp. Hà Đông tiếp tục đẩy mạnh thâm canh, áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, mô hình sản xuất, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng... Nhờ vậy, giá trị sản lượng nông nghiệp trên 1 ha (2009-2018) tăng từ 64 triệu đồng lên 116,90 triệu đồng, giá trị tổng sản lượng nông nghiệp tăng từ 180.985 triệu đồng lên 202.404 triệu đồng. Trong giá trị sản lượng, tỷ trọng trồng trọt vươn lên vị thế lớn nhất, thủy sản tăng nhẹ, chăn nuôi gia súc, gia cầm giảm mạnh do dịch.

Biểu 3.5: Cơ cấu giá trị sản lượng kinh tế nông nghiệp Hà Đông (2009-2018)



Nguồn: Chi cục Thống kê quận Hà Đông, 2013, tr. 25; Chi cục Thống kê quận Hà Đông, 2019, tr. 18.

Biến chuyển theo nhóm ngành giảm diện tích trồng cây thu nhập thấp (lúa, lạc, rau), tăng diện tích trồng cây thu nhập cao, như ngô, cây ăn quả (cam, bưởi), cây lấy hoa (đào, ly, hồng, cúc, thực dược). Tỷ trọng diện tích trồng lúa 2 vụ/năm vẫn lớn nhất. Chăn nuôi tập trung trong trang trại. Vật nuôi ngoài lợn, gà, vịt, trâu, bò, có thêm dê. Trong giá trị sản lượng, tỷ trọng gia súc giảm từ 85,85% xuống 77,62%, tỷ trọng gia cầm tăng từ 14,15% lên 22,38%. Nhóm ngành thủy sản, từ năm 2010 không còn thủy sản đánh bắt do ô nhiễm môi trường, chỉ còn thủy sản nuôi trồng, như cá diêu hồng, cá trắm, cá chép, ba ba. Kinh doanh dịch vụ nông nghiệp đa dạng. Giá trị sản lượng dịch vụ (2009-2018) giảm từ 4.722 triệu đồng xuống 4.068 triệu đồng do thu hẹp đất sản xuất, bị dịch bệnh.

Biến chuyển theo thành phần: Nông nghiệp lợi nhuận thấp và thiên tai, dịch bệnh nên không thu hút các thành phần kinh tế tư nhân, hỗn hợp đầu tư. Các hợp tác xã giải thể, chỉ còn thành phần cá thể. Diện tích đất nông nghiệp trung bình mỗi hộ nông dân (2009-2018) giảm từ 952m² xuống 616m². Một số hộ cho hộ khác mượn đất sản xuất.

Biến chuyển theo vùng: Đô thị hóa nên kinh tế nông nghiệp bị thu hẹp nhanh chóng ở vùng 2. Vùng 3 trở thành nơi sản xuất nông nghiệp tập trung, 3 chiếm 91,35% diện tích đất sản xuất, đồng thời chiếm đại đa số giá trị sản lượng nông nghiệp Hà Đông.

Bảng 3.8: Giá trị sản lượng nông nghiệp Hà Đông theo vùng (2009-2018)

Vùng	Tổng số		Trồng trọt		Chăn nuôi		Thủy sản		Dịch vụ	
	2009	2018	2009	2018	2009	2018	2009	2018	2009	2018
Tổng số (Triệu đồng)	180.985	202.404	81.510	118.744	86.331	70.065	8.422	9.527	4.722	4.068
Vùng 2 (%)	28,99	5,63	34,81	8,65	22,50	0,36	47,40	7,27	14,17	4,15
Vùng 3 (%)	71,01	94,37	65,19	91,35	77,50	99,64	52,60	92,73	85,83	95,85

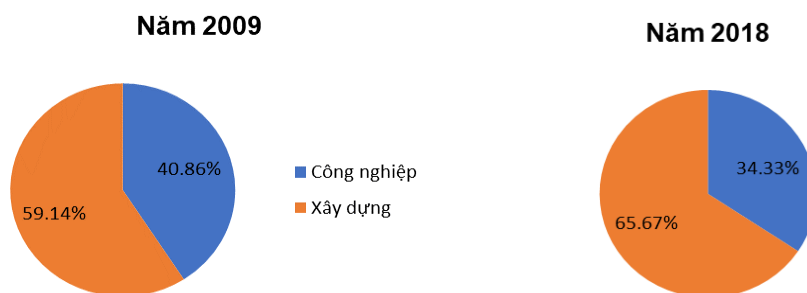
Nguồn: Chi cục Thống kê quận Hà Đông, 2013, tr. 25-42; Chi cục Thống kê quận Hà Đông, 2019, tr. 60-84.

3.2.5. Công nghiệp - xây dựng

Biến chuyển theo ngành: Số lượng cơ sở công nghiệp (2009-2018) tăng 10,16%, thấp hơn nhiều so với 10 năm trước. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu là bia hơi, lụa, vải nhuộm, trang phục, giày dép, gỗ xẻ, cửa gỗ, gạch thủ công, chi tiết xe máy, dao kéo. Trong giá trị

sản lượng công nghiệp Hà Đông (2009-2018), đóng góp nhiều nhất từ sản xuất hóa chất (25,23%) chuyển sang sản xuất vật liệu xây dựng phi kim loại (12,37%). Giá trị hàng xuất khẩu (đồ da, thủ công mỹ nghệ) tăng tỷ trọng từ 11,02% lên 12,62% giá trị tổng sản lượng công nghiệp (2010-2018). Kiến thiết đô thị sôi động, số lượng khu đô thị mới năm 2010 là 16 khu, năm 2018 tăng lên 22 khu, Tính đến năm 2018, Hà Đông có 70 tòa nhà chung cư với 29.700 căn hộ. Giá trị sản lượng xây dựng Hà Đông (2009-2018) tăng từ 3.876.950 triệu đồng lên 27.883.679 triệu đồng, tăng trung bình 61,92%/năm.

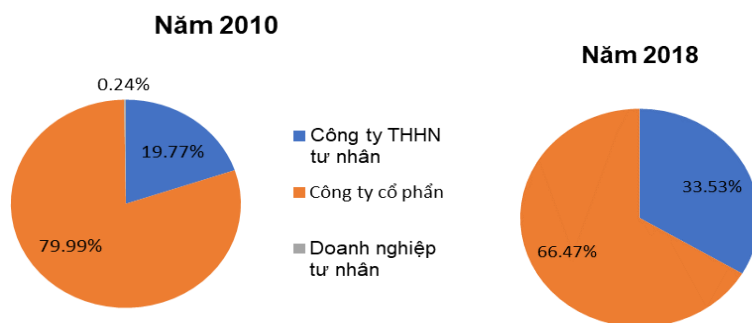
Biểu 3.7: Cơ cấu GTSL công nghiệp và xây dựng Hà Đông (2009-2018)



Nguồn: Chi cục Thống kê quận Hà Đông, 2013, tr. 51; Chi cục Thống kê quận Hà Đông, 2019, tr. 18.

Theo thành phần: Sau khi sáp nhập vào Hà Nội, hầu hết các cơ sở công nghiệp, xây dựng quốc doanh chuyển sang hình thức công ty cổ phần, nhiều doanh nghiệp tư nhân chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân, nhiều hợp tác xã giải thể.

Biểu 3.8: Cơ cấu giá trị sản lượng xây dựng Hà Đông (2010-2018)



Nguồn: Chi cục Thống kê quận Hà Đông, 2019, tr. 43.

Biến chuyển theo vùng: Ngành công nghiệp (2009-2018) ở cả 3 vùng giảm số lượng cơ sở sản xuất, tăng số lượng lao động và giá trị sản lượng. Vùng 2 chiếm hơn một nửa số cơ sở sản xuất, lực lượng lao động và giá trị sản lượng. Ngành xây dựng (2009-2018) tăng trưởng toàn diện nhờ đô thị hóa nhanh. Vùng 2 gia tăng vị thế dẫn đầu trên cả ba mặt là số lượng cơ sở sản xuất, số lượng lao động và giá trị sản lượng.

3.2.6. Thương mại – dịch vụ

Biến chuyển theo ngành: Từ năm 2009 đến năm 2018, số lượng cơ sở thương mại tăng, trong đó có 5 trung tâm thương mại, 18 siêu thị. Giá trị sản lượng thương mại tăng từ 3.809.431 triệu đồng lên 15.309.811 triệu đồng. Hoạt động dịch vụ ngày càng đa dạng và

sôi động. Số lượng cơ sở kinh doanh dịch vụ tăng hơn 3 lần. Giá trị sản lượng dịch vụ tăng từ 3.383.603 triệu đồng lên 7.494.893 triệu đồng. Tuy nhiên, trong cơ cấu giá trị sản lượng thương mại - dịch vụ, tỷ trọng dịch vụ giảm từ 47,04% xuống 32,87%.

Biến chuyển theo thành phần: Trong kinh tế thương mại - dịch vụ, hầu hết các doanh nghiệp nhà nước trở thành công ty cổ phần, hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn. Loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân nhạy bén với thị trường. Loại hình công ty hợp danh trong thương mại - dịch vụ xuất hiện ở Hà Đông từ năm 2014. Loại hình công ty cổ phần ngày càng chiếm ưu thế. Loại hình doanh nghiệp tư nhân giảm mạnh. Thành phần hợp tác xã số lượng nhỏ. Thành phần cá thể chiếm phần lớn cơ sở kinh doanh thương mại – dịch vụ.

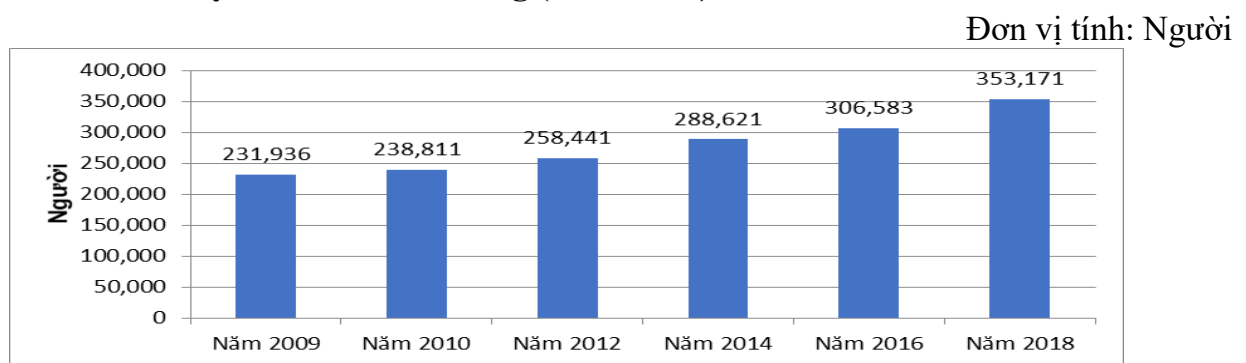
Biến chuyển theo vùng: Trong cơ cấu kinh tế thương mại - dịch vụ Hà Đông (2009-2018), tỷ trọng vùng 1 giảm, vùng 2 và 3 tăng.

3.3. Biến chuyển cơ cấu xã hội quận Hà Đông (2009-2018)

3.3.1. Dân số

Quy mô dân số Hà Đông (2009-2018) từ 231.936 người lên 353.171 người, tăng 5,23%/năm, cao nhất Hà Nội, từ lớn thứ 10 vươn lên lớn thứ 4 toàn thành phố Hà Nội.

Biểu 3.11: Quy mô dân số Hà Đông (2009-2018)



Nguồn: Chi cục Thống kê quận Hà Đông, 2013, tr. 4; Chi cục Thống kê quận Hà Đông, 2019, tr. 4.

Trong quy mô dân số Hà Đông (2009-2018), tỷ trọng vùng 1 giảm từ 15,53% xuống 12,18%, vùng 2 tăng từ 47,99% lên 55,62% (vì nhiều đô thị mới và chung cư cao tầng), vùng 3 giảm từ 36,48% xuống 32,20%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,2%/năm, tăng dân số cơ học trên 4%/năm. Tỷ số giới tính khi sinh có xu hướng tăng sinh con trai. Mật độ dân số tăng từ 4.880 người/km² lên 7.787 người/km² (luôn lớn thứ 9 toàn Hà Nội).

Cơ cấu dân số Hà Đông (2009-2018) cho thấy tỷ trọng nữ giới luôn cao hơn nam giới, nhưng giảm từ 52,39% xuống 51,48%. Tỷ trọng người trong độ tuổi lao động (15-64 tuổi) giảm từ 75,23% xuống 65,10%. Từ khi trở thành quận, 7 xã còn lại trở thành phường, nhưng lối sống của người dân “già làng non phố”. Trong khi đó, người nhiều nơi đến Hà Đông cư trú nên văn hóa, lối sống ngày càng đa dạng. Dân số phân theo học vấn và trình độ chuyên môn kỹ thuật tăng lên. Số lượng người dân tộc thiểu số và người nước ngoài cư trú ở Hà Đông tăng lên. Tuổi kết hôn lần đầu và tỷ trọng ly hôn tiếp tục tăng lên.

Số hộ và loại hộ: Số lượng hộ gia đình ở Hà Đông (2009-2019) tăng nhanh từ 60.904 hộ lên 105.437 hộ, tăng 6,65%/năm, cao nhất thành phố Hà Nội. Số người trung bình trong

một hộ giảm từ 3,83 người xuống 3,77 người. Trong các loại hộ, tỷ trọng hộ 1 người và hộ 5-6 người tăng lên, hộ 2-4 người và hộ 7 người trở lên giảm xuống. Loại hộ 2-4 người tuy giảm nhưng vẫn trên 65%.

3.3.2. Lực lượng lao động xã hội

Biến chuyển tổng thể lực lượng lao động xã hội: Tổng số lao động (15-64 tuổi) ở Hà Đông (2009-2019) tăng từ 168.486 người lên 259.108 người; tỷ trọng nam giới tăng từ 48,65% lên 49,03%. Tỷ trọng lớn nhất từ nhóm 20-24 tuổi (16,25%) chuyển sang nhóm 30-34 tuổi (16,88%). Tỷ trọng được đào tạo nghề tăng từ 32,39% lên 61,50%. Lao động có trình độ từ đại học trở lên tăng 3,3 lần; từ tiến sĩ trở lên tăng gần 9 lần, cao nhất Hà Nội. Tỷ trọng thất nghiệp chiếm 3,80%, cao thứ 2 Hà Nội (quận Thanh Xuân 3,90%).

Biến chuyển cơ cấu lực lượng lao động theo ngành, thành phần, vùng: Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc (2009-2019) trong công nghiệp – xây dựng tăng lên, trong thương mại – dịch vụ và nông nghiệp giảm xuống. Tỷ trọng lao động làm việc gia đình giảm xuống, làm công hưởng lương tăng lên. Tỷ trọng làm việc cho thành phần nhà nước, tập thể, cá thể giảm xuống; làm việc cho tư nhân và hỗn hợp tăng lên. Tỷ trọng lao động vùng 1 và 3 giảm xuống, nhưng vùng 2 tăng lên.

3.3.3. Thu nhập, mức sống, nhà ở, người nghèo

Thu nhập bình quân của một người trong một năm ở Hà Đông (2009-2018) tăng từ 43,7 triệu đồng (2.300 USD) lên 75,4 triệu đồng (3.312 USD, tăng 72,54%, nhưng theo giá so sánh năm 2010, thì chỉ tăng 10%). Vị thế thu nhập bình quân đầu người của Hà Đông đã được cải thiện từ thấp nhất lên thứ 7/12 quận nội thành Thủ đô. Thu nhập của người lao động tăng nhưng không đồng đều giữa các ngành nghề, bộ phận nên mức sống khác biệt.

Mức sống: Chi tiêu ở Hà Đông cho một người trong một tháng năm 2009 trung bình là 3.167.670 đồng, chiếm 87% thu nhập; năm 2018 là 5.240.200 đồng, chiếm 84% thu nhập. Trong cơ cấu chi tiêu (2009-2018), tỷ lệ cho ăn uống chiếm đa số nhưng giảm dần, nhiều lĩnh vực chi tiêu khác tăng lên. Nhiều tiện nghi hiện đại được sử dụng ngày càng nhiều. Chi tiêu không đều giữa các vùng, các nhóm xã hội.

Nhà ở: Hà Đông xuất hiện nhiều khu đô thị mới, nhà chung cư cao tầng, nhà liền kề, nhà biệt thự, nhà riêng lẻ mới xây từ 2 đến 6 tầng. Sau 10 năm (2009-2019), tỷ trọng hộ ở nhà chung cư tăng từ 5,72% lên 29,1%, cao thứ 5 thành phố Hà Nội. Diện tích nhà ở bình quân đầu người toàn Hà Đông (2009-2019) tăng từ 26m² lên 28,5m².

Người nghèo: Năm 2009, Hà Đông có 776 hộ nghèo, chiếm 1,31% tổng số hộ (xếp thứ 7/10 quận nội thành Thủ đô). Năm 2015, Chính phủ ban hành chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, năm 2018 Hà Đông có 208 hộ nghèo, chiếm 0,25% tổng số hộ, 399 hộ cận nghèo, chiếm 0,47% tổng số hộ, xếp thứ 5/12 quận của Hà Nội. Dựa vào thu nhập, mức sống, nhà ở..., ta thấy Hà Đông có 3 tầng lớp xã hội là giàu, trung lưu và nghèo.

3.3.4. Giáo dục, y tế, trật tự xã hội, môi trường

Giáo dục: Sau khi trở thành quận, đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, số lượng học sinh, giáo viên và cơ sở giáo dục tăng hơn 2 lần, mạnh nhất là cấp mầm non và tiểu học. Mặc dù đã

tăng trường học, phòng học và giáo viên, nhưng sĩ số học sinh trong mỗi lớp học vẫn tăng cao, nhất là cấp tiểu học, ảnh hưởng đến chất lượng dạy học.

Y tế: Số lượng cơ sở y tế dân lập tăng từ 26 cơ sở lên 38 cơ sở. Bệnh cạnh những tiến bộ, do môi trường sống, lối sống thay đổi làm bệnh tật gia tăng.

Trật tự xã hội, môi trường: Gia tăng tai nạn giao thông, tội phạm, tệ nạn xã hội, ô nhiễm môi trường.

Tiểu kết chương 3

Trở thành quận, Hà Đông đẩy mạnh đô thị hóa dẫn đến biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội mạnh mẽ hơn những năm trước, phù hợp với xu thế chung của các quận nội thành.

Kinh tế tăng trưởng cao. Cơ cấu giá trị sản lượng kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, giảm tỷ trọng thương mại - dịch vụ, nông nghiệp còn tỷ trọng không đáng kể. Hầu hết các cơ sở kinh tế nhà nước chuyển sang cổ phần hóa, hoạt động hiệu quả hơn. Thành phần hỗn hợp duy trì giá trị sản lượng kinh tế ở vị thế lớn nhất nhưng tỷ trọng giảm dần. Tỷ trọng kinh tế vùng 2 xấp xỉ vùng 1 và vùng 3 cộng lại.

Dân số tăng trưởng nhanh. Số lượng hộ gia đình tăng, nhưng số người trong một hộ giảm xuống. Số lượng và chất lượng lao động tăng cao so với trước. Nhiều lao động từ khu vực nhà nước sang các khu vực khác. Thu nhập tăng nhưng không đều giữa các nhóm lao động dẫn đến phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn. Mặc dù có nhiều tiến bộ về nhà ở, văn hóa, giáo dục, y tế, nhưng trật tự xã hội, môi trường vẫn còn nhiều hạn chế.

Chương 4. MỘT VÀI NHẬN XÉT

4.1. Đặc điểm biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018)

4.1.1. Vận hành trong biến chuyển chung của cả nước

Từ khi đổi mới, kinh tế Hà Đông cùng cả nước chuyển sang cơ chế thị trường nhiều thành phần theo định hướng XHCN, ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, bước vào công nghiệp hóa - hiện đại hóa (1996).

Cơ cấu sử dụng đất thay đổi theo hướng giảm tỷ trọng đất nông nghiệp, tăng tỷ trọng đất công nghiệp và đất đô thị. Nguồn vốn đầu tư phong phú và đa dạng hơn. Thu - chi ngân sách gia tăng và chắt chiu bội chi ngân sách kéo dài. Kinh tế tăng trưởng nhanh. Trong cơ cấu giá trị sản lượng kinh tế, tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và ngành thương mại - dịch vụ ngày càng lớn, ngành nông nghiệp còn không đáng kể.

Công nghiệp hóa và đô thị hóa thu hút lao động và dân cư. Hà Đông mở rộng địa giới hành chính, chuyển xã thành phường, nâng cấp thị xã lên thành phố, rồi lên quận. Bộ mặt đô thị Hà Đông ngày càng khang trang, hiện đại, văn minh.

Phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn, đòi hỏi phải đào tạo nghề và tạo việc làm cho người nghèo, thu thuế người giàu. Tăng tội phạm, tệ nạn xã hội, ô nhiễm môi trường.

Biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội vận hành trong biến chuyển chung của cả nước, theo đúng quy luật khách quan.

4.1.2. Từ thị xã tỉnh lỵ trở thành quận nội thành Thủ đô

Trở thành quận là mốc quan trọng, chia quá trình biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018) thành hai giai đoạn: 1986-2008 và 2009-2018. Giữa hai giai đoạn có những điểm giống và khác nhau.

Mở rộng địa giới hành chính vừa là nguyên nhân, vừa là biểu hiện của biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội. Đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ hơn giai đoạn trước và hơn nhiều quận mới thành lập của Hà Nội. Hà Đông có 3 vùng: Vùng 1 gồm 3 phường trung tâm. Vùng 2 gồm 8 xã ngoại thị cũ chuyển thành 8 phường. Vùng 3 gồm 6 xã mới sáp nhập vào Hà Đông.

Kinh tế phát triển kéo theo xã hội biến đổi, đời sống người dân được cải thiện rõ rệt. Sự phân hóa kinh tế - xã hội, nguồn gốc dân cư là nguyên nhân cơ bản dẫn đến biến chuyển văn hóa và lối sống đô thị.

4.2. Sự tác động giữa biến chuyển cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội

4.2.1. Sự tác động của biến chuyển cơ cấu kinh tế tới biến chuyển cơ cấu xã hội

Công nghiệp hóa và đô thị hóa làm thay đổi dân số: Một bộ phận nông dân mất đất sản xuất, "ly nông" phải "ly hương"; đông thời thu hút lao động và dân cư từ nơi khác tới. Đa phần người nhập cư vào Hà Đông trong độ tuổi lao động, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao. Cư dân Hà Đông đa dạng thành phần dân tộc, quốc tịch, văn hóa.

Kinh tế thị trường nhiều thành phần phân bố lại lực lượng lao động xã hội: Tỷ trọng lao động nông nghiệp giảm, công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ tăng. Lao động chuyển dịch giữa các vùng và từ thành phần nhà nước, tập thể sang thành phần khác.

Kinh tế thị trường nhiều thành phần làm phân hóa giai cấp xã hội: Mỗi hộ gia đình là một đơn vị kinh tế độc lập, phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ. Xuất hiện những giai tầng mới... Dựa theo thu nhập, ta thấy có 3 tầng lớp là thượng lưu, trung lưu và hạ lưu.

Kinh tế phát triển nên đời sống vật chất của người dân được cải thiện: Từ chỗ "ăn đói mặc rét" sang "ăn no mặc ấm", rồi "ăn ngon mặc đẹp" và gần đây một số đã tiến lên "ăn kiêng mặc mát". Từ chỗ thiếu ăn, một bộ phận bị suy dinh dưỡng, sang ăn quá nhiều dẫn đến bệnh tật sớm. Nhà ở, tiện nghi sinh hoạt được cải thiện rõ rệt.

Biến chuyển kinh tế tác động đến biến đời sống văn hóa: Nhà nước và nhân dân đầu tư cho giáo dục ngày càng nhiều. Hà Đông hoàn thành phổ cập giáo dục cấp I năm 1990, cấp II năm 1995. Tỷ lệ thanh niên trong độ tuổi tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương tăng lên. Hưởng thụ văn hóa ngày càng phong phú, đa dạng. Con người có thể làm việc từ xa. "Phú quý sinh lễ nghĩa". Văn hóa ứng xử cộng đồng có nhiều thay đổi.

Kinh tế thị trường làm gia tăng mất trật tự xã hội, ô nhiễm môi trường: Công nghiệp hóa và đô thị hóa làm giá đất thổ cư và đất kinh doanh phi nông nghiệp tăng nhanh, gây áp lực về nhà ở cho người nhập cư vào Hà Đông và cư dân gốc Hà Đông muốn tách hộ, gia tăng các vụ tranh chấp, khiếu kiện về đất đai, thậm chí gây rối trật tự xã hội. Tệ nạn xã hội và ô nhiễm môi trường đáng báo động.

4.2.2. Sự tác động của biến chuyển cơ cấu xã hội tới biến chuyển cơ cấu kinh tế

Dân số tăng tạo thêm lao động và sức tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ: Dân số tăng làm tăng nhân công và tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Không phải tất cả lao động cư trú ở Hà Đông đều làm việc tại Hà Đông, nhưng họ đều tiêu thụ hàng hóa và sử dụng dịch vụ của Hà Đông.

Dân số tăng làm tăng giá nhà đất: Hầu hết người đến Hà Đông lập nghiệp đều có nhu cầu về nhà ở. Nhiều người làm việc ở trung tâm Hà Nội nhưng chỉ đủ khả năng mua nhà đất tại Hà Đông. Giá nhà đất tăng nhanh. Vì thế, xây dựng đô thị, kinh doanh nhà đất rất sôi động ở Hà Đông và địa phương liên kề.

Tăng số lượng học sinh góp phần tăng đầu tư cho giáo dục: Số lượng học sinh từ mầm non đến trung học phổ thông tăng nhanh nên Hà Đông xây dựng thêm trường học công lập và dân lập. Một số gia đình cho con em du học nước ngoài.

Lối sống đô thị hóa thúc đẩy kinh tế dịch vụ phát triển: Nhiều nhu cầu mới xuất hiện, như bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể, du lịch, nghỉ dưỡng, chăm sóc sắc đẹp, thể hình, sinh nhật, liên hoan, giải trí... Chính vì thế, kinh tế dịch vụ phát triển nhanh chóng.

4.3. Nguyên nhân biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội

4.3.1. Nguyên nhân khách quan: Đường lối đổi mới của Đảng, chính sách của Nhà nước, sự lãnh đạo và đầu tư của tỉnh Hà Sơn Bình (1986-1991), tỉnh Hà Tây (1991-2008) và thành phố Hà Nội (2009-2018)

4.3.2. Nguyên nhân chủ quan: Vị trí địa - chính trị thuận lợi. Mở rộng địa giới hành chính. Sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền Hà Đông, phấn đấu của nhân dân Hà Đông.

4.4. Thành tựu, hạn chế và một số kinh nghiệm

4.4.1. Thành tựu: Hà Đông ra khỏi khủng hoảng kinh tế, xã hội, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Địa giới hành chính mở rộng, từ thị xã thành quận nội. Cơ cấu sử dụng đất thay đổi theo hướng công nghiệp hóa và đô thị hóa. Vốn đầu tư toàn xã hội tăng lên. Từ năm 2006, chấm dứt bội chi ngân sách. Kinh tế tăng trưởng cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa và đô thị hóa. Hà Đông hình thành 3 vùng kinh tế - xã hội. Quy mô dân số tăng gần 5 lần. Thành phần dân cư phong phú, đa dạng, xuất hiện những tầng lớp mới. Quy mô gia đình ít người ngày càng phổ biến. Hà Đông đạt "cơ cấu dân số vàng" và chất lượng nguồn lao động tăng lên. Lao động chuyển dần từ nông nghiệp sang công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ; chuyển từ thành phần nhà nước và tập thể sang tư nhân, cá thể và hỗn hợp. Thu nhập của người lao động tăng lên, mức sống được cải thiện, một bộ phận nhỏ được nâng cao. Giáo dục và y tế tiến bộ đáng kể. Lối sống đô thị hiện đại ngày càng phổ biến.

4.4.2. Hạn chế: Tăng trưởng kinh tế từ thu đầu giá quyền sử dụng đất sẽ không bền vững. Tình trạng dự án treo, hoặc kéo dài gây lãng phí tài nguyên, cơ sở hạ tầng và bức xúc trong dư luận. Hà Đông thiếu cơ sở sản xuất kinh doanh lớn để giải quyết việc làm cho người lao động. Việc thu hồi đất nông nghiệp để công nghiệp hóa và đô thị hóa làm tăng lao động thất nghiệp. Phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn. Quy mô dân số tăng nhanh gây khó khăn về nhà ở, giao thông, điện nước, giáo dục, y tế... Mật độ dân số cao, kinh tế thị trường và ý thức của người dân thấp làm gia tăng mất trật tự xã hội, ô nhiễm môi trường, dịch

bệnh. Số vụ ly hôn ngày càng nhiều và có xu hướng trẻ hóa. Tình trạng tranh chấp đất đai trong gia đình, làng xóm rất phức tạp. Tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài. Một số cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, vi phạm kỷ luật, pháp luật.

4.4.3. Một số kinh nghiệm: Xem xét quá trình biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018) là tìm hiểu chuyển đổi của 5 lĩnh vực kinh tế, hành chính, dân số, không gian và phúc lợi. Trong giai đoạn đầu, lấy tăng trưởng nông nghiệp làm cơ sở để ổn định đời sống xã hội và tích lũy bước đầu cho công nghiệp. Cần cải cách quy hoạch đô thị để đô thị tiếp tục đóng vai trò then chốt trong nền kinh tế. Sớm có giải pháp khai thác giao thông công cộng hiệu quả hơn. Triển khai những dự án đúng tiến độ, tránh "lợi ích nhóm". Có chính sách phù hợp để thị trường đất đai lành mạnh. Phát triển dựa chủ yếu vào thu từ đầu giá quyền sử dụng đất sẽ không bền vững. Phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái. Hỗ trợ các nhóm xã hội yếu thế. Giáo dục ý thức pháp luật, tạo môi trường lành mạnh cho nhân dân, nhất là thanh thiếu niên.

Tiểu kết chương 4: Biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội Hà Đông (1986-2018) nằm trong biến chuyển cơ cấu kinh tế - xã hội chung của cả nước thời kỳ đổi mới, là sự vận động từ thị xã tỉnh lỵ trở thành quận nội thành Thủ đô. Những năm đầu đổi mới là bản lề đưa kinh tế - xã hội Hà Đông phát triển đúng quy luật và hội nhập với nội thành Thủ đô. Biến chuyển cơ cấu kinh tế và cơ cấu xã hội tác động lẫn nhau, bắt nguồn từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan, tạo ra những thành tựu và cả hạn chế, để lại một số kinh nghiệm.

KẾT LUẬN

1. Gắn với quá trình điều chỉnh hành chính

Từ khi thành tỉnh lỵ (1896), người Pháp xây dựng Hà Đông theo mô hình thu nhỏ và đơn giản hơn kiểu Hà Nội, mà Hà Nội lúc đó đang xây dựng đô thị theo kiểu phương Tây. Từ năm 1954 đến 2009, Hà Tây là địa bàn hành chính động, trong đó Hà Đông gần như trở thành *biểu tượng của kết quả* thay đổi lớn hơn từ thủ đô Hà Nội. Đồng thời, bằng vị thế của mình, Hà Đông trở thành *Hà Đông phương* đối với thủ đô Hà Nội. Hà Đông vừa là thủ phủ của tỉnh, vừa là một vệ tinh của thủ đô Hà Nội. Ý nghĩa vệ tinh này sâu đậm như thế nào một phần phụ thuộc vào sự tự vận động của Hà Đông, nhưng mặt khác còn tùy thuộc vào chính sách xây dựng Thủ đô của Nhà nước. Chính lý do khách quan này là yếu tố quyết định xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của Hà Đông.

Từ năm 1986 đến năm 2008, kinh tế - xã hội Hà Đông phát triển ở điểm giữa của sự phát triển chậm trong vùng nông thôn Hà Tây và mức phát triển nhanh của thủ đô Hà Nội. Đây là thời kỳ chuyển đổi về lượng của kinh tế - xã hội Hà Đông, mang tính cơ học, tuần tự từng bước, với nhịp điệu bình thường. Sự thay đổi dù là chậm, trước khi thành một quận của Hà Nội, cũng tạo tiền đề cho sự biến chuyển kinh tế - xã hội Hà Đông sau này.

Từ năm 2009 đến năm 2018 là thập kỷ phát triển nhanh của kinh tế - xã hội Hà Đông. Đây là quá trình biến đổi về định tính của kinh tế - xã hội Hà Đông. Dù mức độ phát triển

chưa theo kịp nhiều quận nội thành, nhưng kinh tế - xã hội Hà Đông đã bứt lên, phát triển vượt nhanh hơn các huyện, thị xã còn lại của tỉnh Hà Tây cũ.

Sự gắn kết Hà Đông với toàn bộ vùng Sơn Tây, Hà Tây cũ trong hành trình xây dựng đất nước nói chung và vùng châu thổ sông Hồng nói riêng luôn thay đổi địa giới (hoặc vị thế) đã đưa kinh tế - xã hội Hà Đông vận động theo xu hướng phát triển của đất nước, của vùng châu thổ sông Hồng và đặc biệt của Hà Nội. Đó là sự vận động vừa phát huy được sức mạnh của vùng, của Thủ đô, vừa bảo lưu các thành tố kinh tế - xã hội vốn có của Hà Đông.

2. Gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa

Từ năm 1960, miền Bắc đẩy mạnh phát triển công nghiệp, ưu tiên công nghiệp nặng. Khu công nghiệp thuộc quận Đống Đa tiếp giáp Hà Đông nhưng không có tác động gì đến công nghiệp Hà Đông. Kinh tế Hà Đông vẫn chưa đạt đến công nghiệp hóa. Các xã ngoại thị vẫn nặng về thuần nông.

Trong khoảng 10 năm (1986-1995), Hà Đông từng bước đổi mới, qua khủng hoảng. Từ năm 1996, Hà Đông công nghiệp hóa theo hướng mới, chú trọng nhóm công nghiệp nhẹ, tạo nên diện mạo mới cho kinh tế - xã hội Hà Đông, dù mức độ vẫn còn chậm.

Từ năm 2009, Hà Đông trở thành quận của Hà Nội. Nếu như trong thời gian này, Việt Nam đã hội nhập với quốc tế khá sâu rộng thì Hà Đông cũng hội nhập, hòa đồng với thủ đô Hà Nội. Hà Đông đô thị hóa cả chiều rộng và chiều cao, khôi phục các làng nghề truyền thống, hình thành các cụm và điểm công nghiệp.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Hà Đông đang chuyển sang quá trình số hóa. Khác với nhiều địa phương của Hà Nội có tốc độ công nghiệp hóa cao, Hà Đông công nghiệp hóa gắn liền với đô thị hóa. Tốc độ xây dựng ở Hà Đông cao hơn nhiều so với chỉ số trung bình của toàn Hà Nội. Diện mạo đô thị Hà Đông không khác nhiều các quận khác của Hà Nội.

3. Tái đô thị hóa và đô thị hóa mở rộng

Lịch sử xây dựng kinh tế - xã hội của Hà Đông trong mấy chục năm qua (1986-2018) gắn liền với sự mở rộng của khu vực trung tâm thị xã Hà Đông động, và cuối cùng tầm phát triển nhất của nó là Hà Đông trở thành một quận của thủ đô Hà Nội. Vùng nội thị trung tâm được hiện đại hóa, chỉnh trang cơ sở hạ tầng hiện đại và số hóa hoạt động, dịch vụ. Đồng thời lan tỏa đô thị hóa từ vùng trung tâm ra ngoại biên.

Việc chuyển dịch kinh tế - xã hội khá phong phú, đa dạng, theo chiều từ thấp lên cao, theo hướng tiệm cận. Các làng nông nghiệp ở Hà Đông có điều kiện kinh tế - xã hội không khác nhiều so với các phường nằm ngoại vi trung tâm thành phố. Cùng giống như vậy, khoảng cách kinh tế - xã hội ở các phường phía ngoài không có khác biệt nhiều so với kinh tế - xã hội vùng lõi. Sự khác biệt ở đây chủ yếu thể hiện ở vai trò hành chính trung tâm của thành phố/quận Hà Đông.

Thành phố Hà Đông trở thành quận diễn ra như một sự tiệm cận, cận tiến. Thành phố Hà Đông trước khi được sáp nhập vào Hà Nội có diện cách, diện mạo không khác mấy so với các quận Đống Đa, Cầu Giấy, Thanh Xuân...

4. Phát triển chưa bền vững

Biến chuyển kinh tế - xã hội ở Hà Đông gắn với tiến trình đổi mới của tỉnh Hà Tây, thành phố Hà Nội và của cả nước. Dự án xây dựng đến đâu, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa đến đó. Hiện tượng này được gọi là đô thị hóa, công nghiệp hóa dự án.

Kinh tế Hà Đông dựa chủ yếu vào thu đầu giá quyền sử dụng đất sẽ không bền vững. Cần phát huy lợi thế của công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Tăng dân số cơ học gây ra nhiều khó khăn kinh tế - xã hội

Tóm lại, trong 32 năm qua (1986-2018), có 3 thế hệ: Thế hệ thứ nhất là những người trung niên - chủ lực xã hội - khi đất nước bắt đầu đổi mới, họ xây dựng gia đình, quê hương; thế hệ thứ hai là những người sinh ra từ khi bắt đầu đổi mới, họ trở thành tác nhân chủ công của biến chuyển kinh tế gia đình và của toàn xã hội; và thế hệ thứ ba - những trẻ em sinh ra vào cuối thập niên 2010, thế hệ đang hưởng thụ trong môi trường đổi mới toàn diện, hội nhập Thủ đô và hội nhập quốc tế.